

Số: **476/2019/QĐST-HNGĐ**

Châu Thành, ngày 31 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 643/2019/TLST-VDS ngày 15 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Phạm Tấn P**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: Số 16A/4 ấp 4, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Chị **Lê Ngọc P1**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Ấp V, xã V1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Tấn P và chị Lê Ngọc P1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2005 ở Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì anh P và chị P1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nên hôn nhân giữa anh P và chị P1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh P và chị P1 cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn cho anh P và chị P1 theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Anh P và chị P1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình hôn nhân anh P và chị P1 có một con chung tên Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 28/10/2004. Sau khi ly hôn anh P và chị P1 thống nhất giao con chung cho chị P1 được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ quyết định có hiệu lực pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh P và chị P1 đều khai không có nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh P và chị P1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự mà anh P và chị P1 đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Tấn P và chị Lê Ngọc P1. Quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị P1 chấm dứt kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Ghi nhận anh P và chị P1 không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Minh C, sinh ngày 28/10/2004 cho chị P1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/11/2019.

Anh Phạm Tấn P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm Tấn P và chị Lê Ngọc P đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, anh P và chị P1 phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh P và chị P1 đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0007146 ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã An Khánh, huyện Châu Thành;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn

